

giới, Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới, Tổng thư ký Liên Hiệp quốc, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- **Hạng B:** Gồm các vị Bộ trưởng, Thứ trưởng và những chức vụ tương đương như: Chủ tịch Tổng Công đoàn, Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên, Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ủy viên Trung ương Đảng.

- **Hạng C:** Gồm tất cả các khách từ cấp Vụ, Cục trở xuống và những chức vụ tương đương, phi công, hoa tiêu, các đoàn nghệ thuật và thể dục thể thao.

Riêng các đoàn nghệ thuật, thể dục thể thao ăn theo tiêu chuẩn loại B; hoa tiêu và phi công ăn theo tiêu chuẩn loại A.

**THÔNG TƯ số 101/2000/TT-BTC ngày 17/10/2000 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 44/TC-TCDN ngày 08/7/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp nhà nước.**

Nhằm tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong việc hạch toán khoản chênh lệch tỷ giá và tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 44/TC-TCDN ngày 08/7/1997 về xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

**I. Sửa đổi tên gọi của Thông tư số 44/TC-TCDN ngày 08/7/1997 như sau:**

“Thông tư hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp”.

**II. Mục I Thông tư số 44/TC-TCDN ngày 08/7/1997 sửa đổi, bổ sung như sau:**

**I. Các quy định chung**

1. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Các doanh nghiệp nhà nước;

b) Các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999;

c) Các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, các bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh (sau đây gọi là bên nước ngoài hợp doanh) trên cơ sở hợp đồng theo Luật Đầu tư nước ngoài và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện hạch toán bằng Đồng Việt Nam và khoản xử lý chênh lệch tỷ giá bắt buộc áp dụng để xác định chi phí và thu nhập chịu thuế.

Đối với các doanh nghiệp liên doanh được thành lập trên cơ sở các Hiệp định ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước ngoài, nếu Hiệp định có các quy định về xử lý chênh lệch tỷ giá khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

2. Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Ngoại tệ là loại tiền khác với Đồng Việt Nam.

2.2. Nghiệp vụ ngoại tệ là chỉ các nghiệp vụ thu chi bằng ngoại tệ, trong kết toán vãng lai và để tính giá.

2.3. Tỷ giá hối đoái là tỷ giá trao đổi giữa hai loại tiền (sau đây gọi tắt là tỷ giá).

2.4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (sau đây gọi tắt là chênh lệch tỷ giá) là chênh lệch giữa tỷ giá ghi sổ kế toán với tỷ giá quy đổi tại thời điểm điều chỉnh của cùng một loại ngoại tệ.

3. Các đối tượng quy định tại điểm 1 có các nghiệp vụ ngoại tệ thực hiện hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 77/1998/TT-BTC ngày 06/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam sử dụng trong hạch toán kế toán ở doanh nghiệp.

4. Những ngoại tệ mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá quy đổi ra Đồng Việt Nam thì thống nhất quy đổi thông qua đồng Đô la Mỹ".

### III. Điều khoản thi hành.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho việc quyết toán tài chính và quyết toán thuế từ năm tài chính 2000 trở đi (kể cả đối với các doanh nghiệp kết thúc năm tài chính vào năm 2000). Các quy định khác tại Thông tư số 44/TC-TCĐN ngày 08/7/1997 của Bộ Tài chính không trái với các quy định tại Thông tư này vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Mọi quy định trước đây về xử lý tài chính các khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tại các doanh nghiệp hoặc bên nước ngoài hợp doanh trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

## BỘ Y TẾ

### QUYẾT ĐỊNH số 3192/2000/QĐ-BYT ngày 11/9/2000 về việc ban hành bản Quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Nghiệp vụ Y thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

#### BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

*Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 01/1998/NĐ-CP ngày 03/1/1998 của Chính phủ về hệ thống tổ chức y tế địa phương và Thông tư liên tịch số 02/1998/TTLT-BYT-BTCCBCP ngày 27/6/1998 của liên Bộ Y tế - Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 01/1998/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Điều trị - Bộ Y tế,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Nghiệp vụ Y thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành, các quy định trước đây trái với quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ